

Kế toán doanh nghiệp Logistics: Những điểm cần chú ý

 **Ths Nguyễn Thị Tuyết Minh***

Nhận: 25/12/2019

Biên tập: 02/01/2020

Duyệt đăng: 12/01/2020

Do đặc thù của hoạt động Logistics, kế toán lĩnh vực này sẽ có một số đặc trưng riêng về phần hành giá thành và theo dõi khá nhiều các khoản thu hộ và chi hộ. Hiện nay, quy mô các công ty về Logistic ở Việt Nam chủ yếu ở quy mô nhỏ, hạch toán kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC (hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa). Bài viết điểm lại một vài điểm nổi bật về kế toán ngành Logistic theo Thông tư 133.

Từ khóa: kế toán, doanh nghiệp Logistics, Thông tư 133

1. Logistics là gì?

Logistics, hiểu một cách đơn giản nhất, là dịch vụ cung cấp, vận chuyển hàng hóa tối ưu nhất từ nơi sản xuất đến tay người tiêu dùng. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, ngành Logistics đang ngày càng phát triển mạnh. Ở Việt Nam, số lượng doanh nghiệp trong ngành đã và đang tăng lên nhanh chóng, với sự tham gia của cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Hoạt động Logistics có thể chia thành 3 mảng chính là kho bãi, vận chuyển và giao nhận (bảng 1).

2. Kế toán trong doanh nghiệp Logistics

Các doanh nghiệp Logistics trong nước chủ yếu có quy mô nhỏ

và vừa. Do vậy, công tác kế toán được thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Nhìn chung, công việc của kế toán trong doanh nghiệp Logistics cũng tương tự các phần hành như trong các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của ngành

nên kế toán lĩnh vực này sẽ có một số đặc trưng riêng về phần hành giá thành và theo dõi khá nhiều các khoản thu hộ và chi hộ.

Một số TK sử dụng chủ yếu:

+ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và

Bảng 1: Một số thuật ngữ trong ngành logistics cần quan tâm

AR/AP	AR: Account Receivable (Công nợ phải thu) AP: Account Payable (Công nợ Phải trả)
Carrier	Nhà vận tải nói chung (có thể là Liner, Airline, Trucker, Railer...)
Freight	Cước nói chung, có thể gồm cước vận chuyển và các cước liên quan khác
Liner	Hãng tàu biển, hoặc đại lý hãng tàu biển
P.O.B	Viết tắt của Payment on Behalf, dùng để phản ánh các nghiệp vụ thu/chi hộ hóa đơn VAT trực tiếp cho khách hàng. (Bản thân công ty không nhận và xuất lại hóa đơn VAT).
P/L Sheet	Viết tắt của Profit/Loss Sheet, hay còn gọi là bảng tổng kết lợi nhuận/thất thoát. Dùng để tổng kết một lô hàng (Job) với các thông tin
Partner	Là đại lý đầu nước ngoài (oversea partner), khi nói đến Partner tức là công ty đại lý đầu nước ngoài.
Payment	Là hóa đơn mua vào, hay hóa đơn chi phí (Payment Invoice), chỉ dùng cho các nhà cung cấp trong nước.
Performance	Doanh số, hay hiệu quả, kết quả, năng suất. Thuật ngữ này dùng để phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh hiện thời mà bộ phận kế toán và công nợ chưa thể phản ánh kịp.
POD	Port of Discharge => Cảng dỡ hàng
POL	Port of Loading => Cảng bốc hàng
Statement	Công nợ, bao gồm các hoạt động nghiệp vụ để quản lý công nợ phải thu/phải trả (AR/AP) và báo cáo tình hình công nợ.
Tariff	Biểu phí dịch vụ, là nơi định nghĩa qui tắc và mức giá cho các dịch vụ giao nhận (chi tiết cho từng tuyến, từng hãng, đặc điểm lô hàng, và đối tượng khách hàng...).
Tax Invoice	Hóa đơn thuế, hay hóa đơn VAT, hóa đơn đỏ.
Trucker	Hãng vận tải nội địa (có xe tải/dầu kéo thực hiện vận chuyển nội địa)

*** Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên**

doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

Có thể chi tiết TK 5113 trong một doanh nghiệp Logistic điển hình như sau:

- 51131: Doanh thu bán dịch vụ hàng không xuất

- 51132: Doanh thu bán dịch vụ hàng không nhập

- 51133: Doanh thu bán dịch vụ hàng nội địa

- 51134: Doanh thu dịch vụ hàng biển xuất

- 51135: Doanh thu dịch vụ hàng biển nhập...

+ TK 632 - Giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán sẽ tổng hợp theo các lĩnh vực tương ứng với doanh thu, để các công ty có thể tổng hợp lãi/lỗ theo các lĩnh vực, nắm được thế mạnh cũng như lĩnh vực đang hạn chế, doanh thu đang thấp.

Bảng 2: Bảng tổng hợp doanh thu, giá vốn theo lĩnh vực trong doanh nghiệp logistics

Account Name	Code	Desc	Source	Before 2019	2019
A	B	C	D		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		C511	0	68,070,949,482
- Hàng không xuất: Air Export			C5113AE	0	8,244,651,602
- Hàng không nhập: Air Import			C5113AI	0	18,542,645,370
- Hàng biển xuất: Sea Export			C5113SE	0	12,043,086,641
- Hàng biển nhập: Sea Import			C5113SI	0	28,825,667,932
- Hàng nội địa: Local Charge			C5113LC	0	414,897,937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		D521,D531,D532	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	01,-02		0	68,070,949,482
4. Giá vốn hàng bán	11		D632	0	51,187,019,017
- Hàng không xuất: Air Export			D6327AE	0	7,551,112,141
- Hàng không nhập: Air Import			D6327AI	0	10,262,021,967
- Hàng biển xuất: Sea Export			D6327SE	0	8,776,614,285
- Hàng biển nhập: Sea Import			D6327SI	0	24,253,154,455
- Hàng nội địa: Local Charge			D6327LC	0	344,116,169
- Không hợp lệ/Không có hóa đơn			D6329	0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20	10,-11		0	16,883,930,465

Bảng 3: Mẫu bảng tổng hợp chi tiết doanh thu chi phí theo từng lô hàng

c					Selling (Tax excluded)			Buying (Tax excluded)			
House B/L	Master B/L	G/Wgt	C/Wgt	CBM	Freight	Others	Total	Freight	Others	Total	Estimated Profit
TOPCHEM0119	TOPCHEM0119	0.00	0.00	0.00	0.00	116.15	116.15	0.00	79.59	79.59	36.56
DONGYANGEXPORT0119	DONGYANGEXPORT0119	11,000.00	11,000.00	0.00	0.00	916.71	916.71	0.00	931.38	931.38	-14.67
ICELSE1901002	DJSCHPIQ4N826433	5,754.00	5,754.00	41.80	0.00	712.23	712.23	189.00	437.05	626.05	86.18
ICELSE1901003	DJSCHPID8E058414	16,864.90	16,864.90	16.00	10.00	629.31	639.31	129.03	269.44	398.47	240.84
ICELSE1901001	SMLMHAN8A3712300	18,357.21	18,357.21	18.44	0.00	756.52	756.52	100.00	452.46	552.46	204.06
DONGYANGHCM0119	DONGYANGHCM0119	10,000.00	10,000.00	0.00	0.00	4,049.46	4,049.46	0.00	3,308.76	3,308.76	740.70
ICELSE1901004	150219010017	2,890.00	2,890.00	7.30	0.00	408.30	408.30	0.00	180.65	180.65	227.65
ICELSE1901006	151919010007-12	5,082.30	5,082.30	2.67	0.00	333.09	333.09	0.00	88.93	88.93	244.16
ICELSE1901005	DJSCHPIB3E009403	26,460.43	26,460.43	26.47	0.00	1,097.28	1,097.28	387.08	588.65	975.73	121.55
ICELSE1901009	SMLMHAN8A3753100	32,279.31	32,279.31	32.30	0.00	1,438.04	1,438.04	200.00	823.18	1,023.18	414.86
ICELSE1901010	DJSCHPIB3E009415	10,664.00	10,664.00	66.00	0.00	1,132.38	1,132.38	318.07	726.02	1,044.09	88.29
ICELSE1901011	DJSCHPIB3E009417	10,656.84	10,656.84	10.00	10.00	628.76	638.76	129.03	348.23	477.26	161.50
HAN903018276	HAN903018276	4,252.00	4,252.00	10.49	0.00	182.00	182.00	0.00	116.15	116.15	65.85
HAN903018712	HAN903018712	2,131.00	(2,131.00)	3.49	0.00	80.00	80.00	0.00	60.22	60.22	19.78

Chi tiết các TK như sau:

- 6321: Doanh thu bán dịch vụ hàng không xuất
- 6322: Doanh thu bán dịch vụ hàng không nhập
- 6323: Doanh thu bán dịch vụ hàng nội địa
- 6324: Doanh thu dịch vụ hàng biển xuất
- 6325: Doanh thu dịch vụ hàng biển nhập...
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Một vấn đề khá quan trọng trong kế toán Logistic là theo dõi giá thành các dịch vụ. Thông thường, có thể theo dõi giá thành dịch vụ chi tiết theo từng hợp đồng, hoặc lô hàng và tổng hợp theo các lĩnh vực, theo doanh thu và giá vốn.

Khi phát sinh chi phí về các hoạt động dịch vụ, kế toán ghi:

Nợ TK 154 (Nên chi tiết theo lô hàng và thống kê theo lĩnh vực)

Nợ TK 133 (Nếu có)

Có TK 331, 111, 112, 334...

Khi hoàn thành dịch vụ, kế toán kết chuyển sang giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 154

+ Các khoản thu hộ, chi hộ:

Ngành Logistic còn có đặc thù nữa là phát sinh các khoản thu hộ và chi hộ khá lớn trong quá trình cung cấp dịch vụ. Để theo dõi các khoản thu hộ và chi hộ, kế toán có thể sử dụng Tài khoản 138, 338 để theo dõi các khoản thu chi hộ.

Thông thường, có 2 loại thu hộ, chi hộ phát sinh trong các doanh nghiệp Logistic. Loại thứ nhất, doanh nghiệp Logistic chỉ mang tính chất thu hộ, chi hộ hoàn toàn, hóa đơn đầu vào và đầu ra xuất theo thông tin của bên đối tác. Khi đó, sẽ không phát sinh thuế giá trị gia tăng (VAT) đầu ra và đầu vào. Một số trường hợp, bên cung cấp sẽ xuất hóa đơn trực tiếp cho bên Logistics, khi đó bên Logistics sẽ

xuất đầu ra các khoản thu hộ, chi hộ cho khách hàng. Cụ thể, trường hợp này như sau:

Khi nhận được debit note của khách hàng về khoản thu hộ cước, thu hộ phí, seat container, ENS, kế toán ghi:

Nợ TK 138 (thu hộ)

Nợ TK 133

Có TK 331

Khi xuất hóa đơn cho khách hàng:

Nợ TK 131

Có TK 3331

Có TK 338 (chi hộ)

Sau quá trình theo dõi, hạch toán và kết chuyển, kế toán Logistics có thể tổng hợp được báo cáo kế toán theo các lĩnh vực, hoặc chi tiết theo từng lô hàng. Ví dụ, theo mẫu biểu như bảng 2, bảng 3, trang 82. ■

Tài liệu tham khảo

1. Phần mềm Kế toán Logis@FMS.3
2. Thông tư 133/2016/TT-BTC

Ký Ước Tháng Giêng

Tháng giêng xuân mơ gì nhỉ?
 Dòng sông ướt đầm đời mi
 Cánh cò biếng nằm ngắm nghĩ
 Gió buồn chợt đến chợt đi
 Tháng giêng có làn mây trắng
 Sương đọng giọt giọt miên man
 Rạng chiều đời mùa băng lạnh
 Băng khuâng ngày cũ chửa tàn
 Tháng giêng nhớ về dáng nhỏ
 Má hồng em gái ngày thơ

Tóc đùa nhẹ bay trong gió
 Có người ngồi ngắm ngắm người
 Tháng giêng kỉ niệm xưa ấy
 Người về vương lá me bay
 Phở nhớ áo dài biết mấy
 Giọt tình ai uống say say
 Tháng giêng mơ về lối cũ
 Có mềm buông lời vu vơ
 Chú rể xinh xinh đang ngủ
 Người xưa mãi biệt xa mờ.

(Nguyễn Ngọc Giang)